

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2022/DS-ST
Ngày: 16-8-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

Ông Huỳnh Bửu Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2552/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:152/2022/QĐXXST-DS, ngày 07/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số:133/QĐST-DS ngày 29/7/2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Thạch N**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh **Thạch Thanh T**, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt); Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1950. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Hà Mộng L**, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

Ông **Thạch Ma N**, sinh năm 1973 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện cùng ngày 09/7/2020 của ông Thạch N và quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Thạch Thanh T trình bày:

Ông Thạch N có tham gia góp các dây hụi do bà Hà Mộng L và ông Thạch Ma N làm đầu thảo hụi, cụ thể từng dây như sau:

1/ Dây hụi mở ngày 24/11/2019 (dl) loại hụi 5.000.000 đồng, có 16 phần ông N tham gia 01 phần ở dây số 25 và tham gia 01 phần ở dây số 26 trong danh sách hụi lấy tên là “*Thanh K*”, kỳ mở hụi đầu tiên vào ngày 24/11/2019 (dl), sau đó nửa tháng khai hụi một lần, thỏa thuận đầu thảo hưởng huê hồng là 1500.000 đồng/01 lần hốt.

Trong dây số 25 ông đã đóng hụi sống cho bà L và ông Ma N được 11 lần hụi sống với số tiền 16.910.000 đồng, đến lần khai thứ 12 đầu thảo úp hụi;

Trong dây số 26 ông đã đóng hụi sống cho bà L và ông Ma N được 11 lần hụi sống với số tiền 19.680.000 đồng, đến lần khai thứ 12 đầu thảo úp hụi;

2/ Dây hụi mở ngày 09/01/2020 (dl) loại hụi 5.000.000 đồng, có 15 phần ông N tham gia mỗi dây 01 phần ở các dây số 2, 6, 7, 8, 9, 18, 24, 25, 29, 31 trong danh sách hụi lấy tên là “*Thanh K*”, kỳ mở hụi đầu tiên vào ngày 09/01/2020 (dl), sau đó nửa tháng khai hụi một lần, thỏa thuận đầu thảo hưởng huê hồng là 1500.000 đồng/01 lần hốt.

Trong dây số 2 ông đã đóng hụi sống cho bà L và ông Ma N được 08 lần hụi sống với số tiền 15.170.000 đồng, đến lần khai thứ 9 đầu thảo úp hụi;

Trong dây số 6 ông đã đóng hụi sống cho bà L và ông Ma N được 08 lần hụi sống với số tiền 13.890.000 đồng, đến lần khai thứ 9 đầu thảo úp hụi;

Trong dây số 7 ông đã đóng hụi sống cho bà L và ông Ma N được 08 lần hụi sống với số tiền 13.790.000 đồng, đến lần khai thứ 9 đầu thảo úp hụi;

Trong dây số 8 ông đã đóng hụi sống cho bà L và ông Ma N được 08 lần hụi sống với số tiền 13.640.000 đồng, đến lần khai thứ 9 đầu thảo úp hụi;

Trong dây số 9 ông đã đóng hụi sống cho bà L và ông Ma N được 08 lần hụi sống với số tiền 13.920.000 đồng, đến lần khai thứ 9 đầu thảo úp hụi;

Trong dây số 18 ông đã đóng hụi sống cho bà L và ông Ma N được 08 lần hụi sống với số tiền 13.680.000 đồng, đến lần khai thứ 9 đầu thảo úp hụi;

Trong dây số 24 ông đã đóng hụi sống cho bà L và ông Ma N được 08 lần hụi sống với số tiền 13.610.000 đồng, đến lần khai thứ 9 đầu thảo úp hụi;

Trong dây số 25 ông đã đóng hụi sống cho bà L và ông Ma N được 08 lần hụi sống với số tiền 13.700.000 đồng, đến lần khai thứ 9 đầu thảo úp hụi;

Trong dây số 29 ông đã đóng hụi sống cho bà L và ông Ma N được 08 lần hụi sống với số tiền 13.950.000 đồng, đến lần khai thứ 9 đầu thảo úp hụi;

Trong dây số 31 ông đã đóng hụi sống cho bà L và ông Ma N được 08 lần hụi sống với số tiền 13.870.000 đồng, đến lần khai thứ 9 đầu thảo úp hụi.

Tổng cộng ông N đã đóng hụi sống cho bà L và ông Ma N trong các dây hụi này với tổng số tiền 175.810.000 đồng, sau khi úp hụi bà L và ông Ma N không hoàn trả tiền hụi sống cho ông. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc

bà L và ông Ma N phải trả số tiền hội sống 175.810.000 đồng và lãi hội 334.190.000 đồng.

* Theo biên bản lấy lời khai bà Hà Mộng L cho rằng: Ông Thạch N có tham gia góp hội ở nhiều dây hội do bà làm đầu thảo và có đóng hội sống cho bà, tuy nhiên ông N có hốt hội ở các dây hội khác nhưng chưa đóng tiền hội chết nên ông N yêu cầu bà trả tiền hội sống thì bà không đồng ý.

Đối với ông Thạch Ma N sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các thủ tục như thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng ông Ma N không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai được. Do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu bà L và ông Ma N phải trả số tiền hội sống 175.810.000 đồng và rút yêu cầu về tính lãi hội. Không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu triệu tập người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Đối với bị đơn bà Hà Mộng L, ông Thạch Ma N vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội” là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đảm bảo đúng quy định. Về đưa người tham gia tố tụng, Tòa án đã đưa đầy đủ trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên việc xét xử đúng pháp luật. Tại phiên tòa bà L và ông Ma N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, buộc bà L và ông Ma N phải có trách nhiệm trả cho ông N tiền hội sống 175.810.000 đồng và đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi hội và trả tiền hội sống trong dây hội số 21 do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại. Đối với phần hội chết bà L cho rằng ông N chưa đóng, Tòa án đã có văn bản yêu cầu bà L trình bày rõ về việc tham gia góp hội và hốt hội nêu trên và thông báo về việc nộp đơn yêu cầu phản tố nhưng bà L không có đơn phản tố nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, trường hợp có tranh chấp thì bà L có quyền khởi kiện ông N trong vụ kiện dân sự khác. Về án phí: Buộc bà L và ông Ma N phải chịu theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông N khởi kiện bị đơn bà L, ông Ma N là đầu thảo hui phải trả số tiền hui sống đã đóng, quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui”. Bị đơn cư trú tại Ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Tòa án đã đưa bà Hà Mộng L, ông Thạch Ma N vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án. Bà L, ông Ma N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Ngày 30/9/2021 Tòa án đã ra quyết định nhập 13 vụ án về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui” thành 01 vụ án thụ lý số: 2552/2021/TLST-DS ngày 11/01/2021. Quá trình tố tụng ông N có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với dây hui ngày 09/01/2020 (dl) ở dây số 21. Theo 12 đơn khởi kiện ông N yêu cầu bà L và ông Ma N phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền hui sống là 175.810.000 đồng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông N xin rút lại yêu cầu tính lãi hui số tiền 334.190.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi lẽ qua các chứng cứ là các danh sách hui mà ông N cung cấp cùng kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án (bút lục số 169-184) xác định ông N có tham gia góp hui do bà L và ông Ma N làm đầu thảo ở các dây hui mà ông N khởi kiện và ông N còn sống ở các dây này.

[4] Đối với bà L và ông Ma N mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện với ông N, nhưng Tòa án đã có sao gửi các chứng cứ mà ông N giao nộp gồm: đơn khởi kiện, 12 danh sách hui viên thể hiện bà L là chủ hui ở các dây hui trên và các chứng cứ khác để ông bà có ý kiến hoặc phản hồi về những chứng cứ mà ông N giao nộp nhưng bà L và ông Ma N không có ý kiến phản hồi cho Tòa án biết. Tại biên bản lấy lời khai (bút lục số 162) bà L thừa nhận ông N có chơi hui do bà làm đầu thảo nhưng ông N đã hót hui và chưa đóng hui chết nên bà không đồng ý trả hui sống cho ông N. Tòa án đã nhiều lần ra các văn bản yêu cầu bà L trình bày rõ về việc tham gia góp hui và hót hui nêu trên và có thông báo về việc nộp đơn yêu cầu phản tố nhưng bà L bỏ mặc không quan tâm, do đó lời nại ra của bà L là không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, trường hợp có tranh chấp với ông N về tiền hui chết chưa đóng thì bà L có quyền khởi kiện ông N trong vụ kiện dân sự khác. Đối với ông Thạch Ma N không có ý kiến phản hồi về nội dung ông N khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án. Bà L và ông Ma

N là vợ chồng, việc bà L tổ chức chơi hội có tiền huê hồng là nhằm để chăm lo cho cuộc sống gia đình. Căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử có cơ sở buộc bà L và ông Ma N phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả tiền hội sống cho ông N.

[5] Đối với số tiền lãi hội của 12 dây hội ông N khởi kiện và tiền hội sống của dây hội ngày 09/01/2020 (dl) ở dây số 21 tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông N xin rút lại không yêu cầu tiếp tục giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N buộc bà L và ông Ma N phải trả số tiền hội sống 175.810.000 đồng mà ông N đã góp trong 12 dây hội nêu trên và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về tính lãi hội và yêu cầu trả tiền hội sống trong dây hội số 21 do người đại diện theo ủy quyền của ông N xin rút.

[7] Về án phí: Buộc bà Hà Mộng L và ông Thạch Ma N phải chịu theo quy định của pháp luật; Ông Thạch N không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông N số tiền tạm ứng án án phí đã đóng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của chính phủ quy định về họ, hội, biêu, phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch N.

2. Buộc bà Hà Mộng L và ông Thạch Ma N có trách nhiệm hoàn trả cho ông Thạch N tiền hội sống đã đóng tổng cộng là 175.810.000 đồng (Của dây hội mở ngày 24/11/2019 (dl) loại hội 5.000.000 đồng ở dây số 25 và 26; Dây hội mở ngày 09/01/2020 (dl) ở dây số 2, 6, 7, 8, 9, 18, 24, 25, 29, 31 do bà Hà Mộng L làm đầu thảo).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thạch N về yêu cầu tính lãi hội của dây hội mở ngày 24/11/2019 (dl) ở dây số 25, 26; Dây hội mở ngày 09/01/2020 (dl) ở dây số 2, 6, 7, 8, 9, 18, 24, 25, 29, 31 và yêu cầu trả tiền hội

trong đây hội ngày 09/01/2020 (dl) hội 5.000.000 đồng ở đây số 21 do người đại diện theo ủy quyền của ông N xin rút.

4. Về án phí: Buộc bà Hà Mộng L và ông Thạch Ma N phải chịu 8.790.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông Thạch N không phải chịu án phí.

Hoàn trả cho ông Thạch N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001467; số tiền 1.376.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001466; số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001471; số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001469; số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001476; số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001475; số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001470; số tiền 1.357.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001468; số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001474; số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001473; số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001472; số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001465; số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001464, các biên lai này đã nộp cùng ngày 06/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

